

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - LỚP ITA.49B
MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: A2

Thời gian: 17h45 - Ngày 10/3/2019 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	2120528810	49B01	Đặng Thị Thanh	Chi	08/09/1997	DakLak	ITA.49B	<i>Chi</i>	7.3	Bảy ba	
2	2220865863	49B02	Lê Kim	Chi	12/12/1998	DakLak	ITA.49B	<i>Chi</i>	7.3	Bảy ba	
3	2021610557	49B03	Nguyễn Hoàng	Công	02/03/1996	T.T Huế	ITA.49B	<i>ccc</i>	7.3	Bảy ba	
4	2220865870	49B04	Cao Thị Thúy	Danh	12/07/1998	DakLak	ITA.49B	<i>Danh</i>	8.7	Tám bảy	
5	2120524706	49B05	Trần Thị Thùy	Dung	15/02/1996	Quảng Nam	ITA.49B	<i>Shun</i>	6.3	Sáu ba	
6	2120528913	49B06	Nguyễn Thị Diễm	Duyên	06/10/1997	Quảng Ngãi	ITA.49B	<i>Duyên</i>	8.7	Tám bảy	
7	2220229657	49B07	Lê Thị Đông	Hà	24/06/1997	Quảng Nam	ITA.49B	<i>Doan</i>	9.3	Chín ba	
8	2120524821	49B08	Trà Thị	Hạnh	19/02/1997	Đà Nẵng	ITA.49B	<i>Trà</i>	9.0	Chín không	
9	2220268588	49B09	Phạm Thị Thu	Hiền	03/10/1998	Quảng Nam	ITA.49B	<i>Thư</i>	8.7	Tám bảy	
10	2126511974	49B10	Trần Thị Hồng	Hoa	01/05/1991	Quảng Bình	ITA.49B	<i>H</i>	9.7	Chín bảy	
11	2121713746	49B11	Phạm Văn	Hùng	14/03/1996	Đà Nẵng	ITA.49B	<i>Hùng</i>	9.7	Chín bảy	
12	2226521521	49B12	Nguyễn Thị Ngọc	Lên	10/07/1994	Quảng Ngãi	ITA.49B	<i>Nh</i>	9.7	Chín bảy	
13	2220865968	49B13	Ngô Thị Mỹ	Linh	04/07/1997	Quảng Nam	ITA.49B	<i>Ngô</i>	8.0	Tám không	
14	2120524576	49B14	Nguyễn Cẩm	Linh	01/12/1997	Bình Định	ITA.49B	<i>—</i>	—	—	Vắng
15	2226521523	49B15	Nguyễn Phan Hoài	Linh	21/07/1994	Quảng Nam	ITA.49B	<i>M</i>	8.7	Tám bảy	
16	2220716807	49B16	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	22/02/1998	Bình Định	ITA.49B	<i>h</i>	7.0	Bảy không	
17	2220253302	49B17	Nguyễn Thị Trúc	Linh	09/04/1998	Quảng Nam	ITA.49B	<i>Tr</i>	7.7	Bảy bảy	
18	2220865978	49B18	Trần Khánh	Ly	06/09/1998	Đắk Nông	ITA.49B	<i>Thy</i>	7.3	Bảy ba	
19	2220865982	49B19	Đỗ Thị Phương	Mai	22/10/1998	Bình Định	ITA.49B	<i>Mai</i>	8.7	Tám bảy	
20	2120268002	49B20	Ngô Tuyết	Mai	20/08/1997	Quảng Trị	ITA.49B	<i>M</i>	7.0	Bảy không	
21	2220724251	49B21	Bùi Thị Bích	Nga	11/12/1998	Gia Lai	ITA.49B	<i>N</i>	9.0	Chín không	
22	2226521533	49B22	Bùi Thị Kim	Ngân	05/10/1994	Đà Nẵng	ITA.49B	<i>N</i>	9.0	Chín không	
23	2220268917	49B23	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	18/04/1998	Đà Nẵng	ITA.49B	<i>Thng</i>	9.7	Chín bảy	
24	2120524621	49B24	Bùi Thị Bích	Ngọc	24/08/1996	Gia Lai	ITA.49B	<i>Ngoc</i>	8.0	Tám không	

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		G
									Số	Chữ	
25	2121217910	49B25	Đặng Công Lê	Nguyên	04/09/1995	Đà Nẵng	ITA.49B	<i>Nguyen</i>	9.7	<i>Đúng</i>	
26	2220253323	49B26	Nguyễn Văn Phương	Nhi	15/12/1998	Quảng Trị	ITA.49B	<i>Phuong</i>	9.0	<i>Đúng</i>	
27	2220255266	49B27	Tô Thị	Nhi	25/05/1998	Đà Nẵng	ITA.49B	<i>Tô</i>	6.7	<i>Sau</i>	
28	2120869101	49B28	Mai Trần Quỳnh	Như	14/07/1997	Quảng Ngãi	ITA.49B	<i>Như</i>	7.0	<i>Đúng</i>	
29	2120253876	49B29	Trương Thị Quỳnh	Như	17/05/1997	Quảng Trị	ITA.49B	<i>Như</i>	6.7	<i>Sau</i>	
30	2221255276	49B30	Trịnh Trọng	Phước	03/02/1998	Hà Nội	ITA.49B				Cấm th
31	2220868700	49B31	Huỳnh Thị Như	Phương	11/02/1998	Quảng Nam	ITA.49B	<i>Phuong</i>	6.7	<i>Sau</i>	
32	2120715794	49B32	Hoàng Thị Như	Quỳnh	30/07/1997	Quảng Trị	ITA.49B	<i>Quynh</i>	7.0	<i>Đúng</i>	(33)
33	2021526412	49B33	Nguyễn Lương	Thắng	10/03/1995	Đà Nẵng	ITA.49B				Vắng
34	2020522763	49B34	Võ Trương Minh	Thư	25/11/1996	Gia Lai	ITA.49B	<i>Võ</i>	9.0	<i>Đúng</i>	
35	2220255305	49B35	Hứa Thị	Thủy	20/09/1997	Quảng Nam	ITA.49B	<i>Hu</i>	9.0	<i>Đúng</i>	
36	2120217908	49B36	Nguyễn Thị Thu	Thủy	04/10/1996	Quảng Nam	ITA.49B	<i>Thuy</i>	7.0	<i>Đúng</i>	
37	2220512737	49B37	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	30/01/1998	Quảng Nam	ITA.49B	<i>Tien</i>	8.3	<i>Tam</i>	
38	2120715886	49B38	Trần Nguyễn Huyền	Trâm	21/02/1997	Bình Định	ITA.49B	<i>Tran</i>	8.0	<i>Tam</i>	
39	2120715913	49B39	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	12/08/1997	Quảng Trị	ITA.49B	<i>Thuy</i>	6.7	<i>Sau</i>	
40	2220269025	49B40	Phạm Tố	Uyên	24/07/1998	Quảng Nam	ITA.49B	<i>Pham</i>	6.7	<i>Sau</i>	
41	2220263372	49B41	Nguyễn Hoàng Thảo	Vy	28/05/1998	DakLak	ITA.49B	<i>Vy</i>	8.7	<i>Tam</i>	
42	2120715945	49B42	Phạm Thị Giao	Yên	13/08/1997	Đà Nẵng	ITA.49B	<i>Pham</i>	7.7	<i>Đúng</i>	
43	2220866158	49B43	Bùi Thị	Yến	06/12/1998	Hải Phòng	ITA.49B	<i>Bui</i>	8.7	<i>Tam</i>	

Tổng số HV/Dự thi: 42/40

Vắng: 02...

Cám thi: 01...

Không đủ điều kiện dự thi: 0.....

Trường Đại học Duy Tân
Trung tâm Tin học Duy Tân

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
 CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - THI GHEP VỚI LỚP ITA.49B
 MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: A2

Thời gian: 17h45 - Ngày 10/3/2019 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	2121713599	42B07	Đặng Công	Hạ	09/11/1997	Đà Nẵng	ITA 42B		6.7	Sau bay	44 Thi ghép
2	2121725806	42B33	Lê Quang	Sang	07/02/1995	Quảng Nam	ITA 42B		8.0	Tam đậy	45 Thi ghép
3	2120514854	45B04	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	18/08/1996	Đà Nẵng	ITA 45B		7.7	bay bay	46 Thi ghép
4	2226521076	46B04	Đỗ Thị Ngọc	Bích	29/08/1995	Quảng Ngãi	ITA 46B		8.0	Tam đậy	47 Thi ghép
5	2226521104	46B10	Nguyễn Bích	Hoa	04/10/1995	Bình Định	ITA 46B		8.0	Tam đậy	48 Thi ghép
6	2226521108	46B12	Hồ Thị Ngọc	Hương	08/12/1992	Đà Nẵng	ITA 46B		8.0	Tam đậy	49 Thi ghép
7	2220313903	47B40	Võ Thị Ngọc	Trinh	08/05/1998	Phú Yên	ITA 47B		9.0	đin đậy	50 Thi ghép
8	2120317356	50A38	Võ Thị	Trinh	12/01/1997	Quảng Nam	ITA 50A		8.0	Tam đậy	51 Thi ghép
9	2120715690	54A14	Đỗ Khánh	Ly	18/07/1995	Quảng Ngãi	ITA 54A		5.7	Nằm báy	52 Thi ghép
10	2121154283	54A25	Ngô Nguyễn Anh	Tây	27/11/1997	Quảng Nam	ITA 54A		7.3	Bay ba	53 Thi ghép
11	2120335343	56A10	Phan Thị Hoàng	Diệu	10/12/1996	Quảng Nam	ITA 56A		8.7	Tam báy	54 Thi ghép
12	2120718177	56A13	Ngô Thị Thu	Hương	11/08/1996	Ninh Bình	ITA 56A		8.3	Tam ba	55 Thi ghép
13	2120866155	56A16	Lê Thị Mỹ	Linh	24/01/1997	Đà Nẵng	ITA 56A		7.0	Bay kẹ	56 Thi ghép

Tổng số HV/Dự thi: 13/13 Vắng: 0... Không đủ điều kiện dự thi: 0.....
 CT. HỒI ĐỒNG

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - LỚP ITA.49B
MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: A3

Thời gian: 18h30 - Ngày 10/3/2019 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
1	2120528810	49B01	Đặng Thị Thanh	Chi	08/09/1997	DakLak	ITA.49B	930	Chc	7,4	Bảy Bốn	
2	2220865863	49B02	Lê Kim	Chi	12/12/1998	DakLak	ITA.49B	125MB	Chi	8,5	Tám Năm	
3	2021610557	49B03	Nguyễn Hoàng	Công	02/03/1996	T.T.Huế	ITA.49B	168MB	C	7,3	Bảy Ba	
4	2220865870	49B04	Cao Thị Thủy	Danh	12/07/1998	DakLak	ITA.49B	746	Danh	8,5	Tám Năm	
5	2120524706	49B05	Trần Thị Thủy	Dung	15/02/1996	Quảng Nam	ITA.49B	140	Dung	8,6	Tám Sáu	
6	2120528913	49B06	Nguyễn Thị Diễm	Duyên	06/10/1997	Quảng Ngãi	ITA.49B	132	Duyên	7,5	Bảy Năm	
7	2220229657	49B07	Lê Thị Đồng	Hà	24/06/1997	Quảng Nam	ITA.49B	658	Doyle	6,1	Sáu Một	
8	2120524821	49B08	Trà Thị	Hạnh	19/02/1997	Đà Nẵng	ITA.49B	66	HL	6,8	Sáu Tám	
9	2220268588	49B09	Phạm Thị Thu	Hiền	03/10/1998	Quảng Nam	ITA.49B	99,9	HL	9,3	Chín Ba	
10	2126511974	49B10	Trần Thị Hồng	Hoa	01/05/1991	Quảng Bình	ITA.49B	35,4	D	0		
11	2121713746	49B11	Phạm Văn	Hùng	14/03/1996	Đà Nẵng	ITA.49B	559	HL	9,3	Chín Ba	
12	2226521521	49B12	Nguyễn Thị Ngọc	Lên	10/07/1994	Quảng Ngãi	ITA.49B	248	HL	9,5	Chín Năm	
13	2220865968	49B13	Ngô Thị Mỹ	Linh	04/07/1997	Quảng Nam	ITA.49B	861	HL	6,1	Sáu Một	
14	2120524576	49B14	Nguyễn Cẩm	Linh	01/12/1997	Bình Định	ITA.49B				Vẩy	
15	2226521523	49B15	Nguyễn Phan Hoài	Linh	21/07/1994	Quảng Nam	ITA.49B	984	HL	7,3	Bảy Ba	
16	2220716807	49B16	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	22/02/1998	Bình Định	ITA.49B	152	HL	7,8	Bảy Tám	
17	2220253302	49B17	Nguyễn Thị Trúc	Linh	09/04/1998	Quảng Nam	ITA.49B	182	HL	6,8	Sáu Tám	
18	2220865978	49B18	Trần Khánh	Ly	06/09/1998	Đà Nẵng	ITA.49B	120	HL	7,0	Bảy Y	
19	2220865982	49B19	Đỗ Thị Phương	Mai	22/10/1998	Bình Định	ITA.49B	111	Mai	7,8	Bảy Tám	
20	2120268002	49B20	Ngô Tuyết	Mai	20/08/1997	Quảng Trị	ITA.49B	917	HL	6,1	Sáu Một	
21	2220724251	49B21	Bùi Thị Bích	Nga	11/12/1998	Gia Lai	ITA.49B	149	HL	7,3	Bảy Ba	
22	2226521533	49B22	Bùi Thị Kim	Ngân	05/10/1994	Đà Nẵng	ITA.49B	282	HL	7,5	Bảy Năm	
23	2220268917	49B23	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	18/04/1998	Đà Nẵng	ITA.49B	313	HL	7,0	Bảy Y	
24	2120524621	49B24	Bùi Thị Bích	Ngọc	24/08/1996	Gia Lai	ITA.49B	175MB	HL	8,0	Tám Y	
25	2121217910	49B25	Đặng Công Lê	Nguyễn	04/09/1995	Đà Nẵng	ITA.49B	629	HL	7,0	Bảy Y	
26	2220253323	49B26	Nguyễn Văn Phương	Nhi	15/12/1998	Quảng Trị	ITA.49B	0,9MB	HL	6,0	Sáu Y	

MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
27	2220255266	Tô Thị	Nhi	25/05/1998	Đà Nẵng	ITA.49B	0.9MB		5,4	Năm Ba	
28	2120869101	Mai Trần Quỳnh	Như	14/07/1997	Quảng Ngãi	ITA.49B	3.13MB		4,3	Bốn Ba	
29	21202553876	Trương Thị Quỳnh	Như	17/05/1997	Quảng Trị	ITA.49B	2.56MB		6,5	Sáu Năm	
30	2221255276	Trịnh Trọng	Phước	03/02/1998	Hà Nội	ITA.49B					
31	2220868700	Huỳnh Thị Như	Phương	11/02/1998	Quảng Nam	ITA.49B	1.75MB		0		Cấm thi
32	2120715794	Hoàng Thị Như	Quỳnh	30/07/1997	Quảng Trị	ITA.49B	395		5,3	Năm Ba	(33)
33	2021526412	Nguyễn Lương	Thắng	10/03/1995	Đà Nẵng	ITA.49B					Vắng
34	2020522763	Võ Trương Minh	Thư	25/11/1996	Gia Lai	ITA.49B	1.75MB		6,0	Sáu	
35	2220255305	Hứa Thị	Thủy	20/09/1997	Quảng Nam	ITA.49B	925		5,6	Năm Sáu	
36	2120217908	Nguyễn Thị Thu	Thủy	04/10/1996	Quảng Nam	ITA.49B	1.2MB		7,8	Bảy Tám	
37	2220512737	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	30/01/1998	Quảng Nam	ITA.49B	94.7		6,8	Sáu Tám	
38	2120715886	Trần Nguyễn Huyền	Trâm	21/02/1997	Bình Định	ITA.49B	111		7,0	Bảy Y	
39	2120715913	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	12/08/1997	Quảng Trị	ITA.49B	112		5,3	Năm Ba	
40	2220269025	Phạm Tố	Uyên	24/07/1998	Quảng Nam	ITA.49B	119		7,3	Bảy Ba	
41	2220263372	Nguyễn Hoàng Thảo	Vy	28/05/1998	DakLak	ITA.49B	113		8,3	Tám Ba	
42	2120715945	Phạm Thị Giao	Yên	13/08/1997	Đà Nẵng	ITA.49B	295		8,8	Tám Tám	
43	2220866158	Bùi Thị	Yến	06/12/1998	Hải Phòng	ITA.49B	192		8,0	Tám Y	

Tổng số HV/Dự thi: 43/40

Vắng: .02

Cấm thi: .01

Không đủ điều kiện dự thi: .0

Trường Đại học Duy Tân
Trung tâm Tin học Duy Tân

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - THI GHEP BÓ SUNG VỚI LỚP ITA.49B
MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: A3

Thời gian: 18h30 - Ngày 10/3/2019 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
1	2121713599	42B07	Đặng Công	Hạ	09/11/1997	Đà Nẵng	ITA.42B	108		5,8	Năm Tân	414 Thi ghép
2	2121725806	42B33	Lê Quang	Sang	07/02/1995	Quảng Nam	ITA.42B	313		6,8	Sáu Tân	415 Thi ghép
3	2120514854	45B04	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	18/08/1996	Đà Nẵng	ITA.45B	227		5,9	Năm Chín	416 Thi ghép
4	2226521076	46B04	Đỗ Thị Ngọc	Bích	29/08/1995	Quảng Ngãi	ITA.46B	99.8		4,3	Bảy Ba	417 Thi ghép
5	2226521104	46B10	Nguyễn Bích	Hoa	04/10/1995	Bình Định	ITA.46B	104		6,5	Sáu Năm	418 Thi ghép
6	2226521108	46B12	Hồ Thị Ngọc	Hương	08/12/1992	Đà Nẵng	ITA.46B	218		6,5	Sáu Năm	419 Thi ghép
7	2220313903	47B40	Võ Thị Ngọc	Trình	08/05/1998	Phước Yên	ITA.47B	98.1		6,5	Sáu Năm	50 Thi ghép
8	2120317356	50A38	Võ Thị	Trình	12/01/1997	Quảng Nam	ITA.50A	212		6,5	Sáu Năm	51 Thi ghép
9	2120715690	54A14	Đỗ Khánh	Ly	18/07/1995	Quảng Ngãi	ITA.54A	102		7,8	Bảy Tân	52 Thi ghép
10	2121154283	54A25	Ngô Nguyễn Anh	Tây	27/11/1997	Quảng Nam	ITA.54A	81.5		6,8	Sáu Tân	53 Thi ghép
11	2120335343	56A10	Phan Thị Hoàng	Diệu	10/12/1996	Quảng Nam	ITA.56A	223		6,8	Sáu Tân	54 Thi ghép
12	2120718177	56A13	Ngô Thị Thu	Hương	11/08/1996	Ninh Bình	ITA.56A	90.4		7,3	Bảy Ba	55 Thi ghép
13	2120866155	56A16	Lê Thị Mỹ	Linh	24/01/1997	Đà Nẵng	ITA.56A	88.4		7,0	Bảy 7	56 Thi ghép

Tổng số HV/Dự thi: 13/13 Vắng: 0.....

Cám thi:

Không đủ điều kiện dự thi: 0.....

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - LỚP ITA.66A
MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: A2

Thời gian: 17h45 - Ngày 10/3/2019 - Phòng máy 502/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	2120524704	66A01	Nguyễn Hữu Hoàng	Anh	17/03/1997	Quảng Nam	ITA.66A		8,0	Tam y	
2	2220326356	66A02	Trần Hoàng	Anh	20/02/1998	Đà Nẵng	ITA.66A		8,0 7,7	Bay, bay	Cục
3	2220863787	66A03	Nguyễn Ngọc Linh	Chi	20/11/1997	Bình Định	ITA.66A		8,0 8,3	Tam, ba	Cục
4	2021517342	66A04	Nguyễn Phạm Duy	Cường	31/12/1991	Đà Nẵng	ITA.66A		8,0 8,3	Tam, ba	Cục
5	2220863759	66A05	Dương Hoàng	Điệp	19/07/1998	DakLak	ITA.66A		8,0 7,7	Bay, bay	Cục
6	2120527234	66A06	Lê Thị Ngọc	Dung	14/09/1997	Gia Lai	ITA.66A		6,6 6,3	Sau, ba	Cục
7	2120524740	66A07	Phạm Huỳnh Thu	Hà	05/11/1997	Đà Nẵng	ITA.66A		8,0 7,7	Bay, bay	Cục
8	2120524691	66A08	Phạm Hồ Minh	Hiếu	02/05/1997	Bình Định	ITA.66A		8,0 7,3	Bay, ba	Cục
9	2121529290	66A09	Nguyễn Hồ Khai	Hoàn	02/01/1997	DakLak	ITA.66A		7,3	Bay, ba	
10	2220522814	66A10	Nguyễn Thị Thu	Hồng	28/01/1998	Bình Định	ITA.66A		8,3	Tam, ba	
11	2121514918	66A11	Nguyễn Tống	Hưng	24/11/1996	Đà Nẵng	ITA.66A		9,3	Chín, ba	
12	2221219682	66A12	Trần Nguyễn	Khánh	23/04/1998	DakLak	ITA.66A		8,3	Tam, ba	
13	2227521113	66A13	Lê Thanh	Khoa	27/05/1994	Đà Nẵng	ITA.66A		7,3	Bay, ba	
14	2221869281	66A14	Đinh Thế	Kiên	26/12/1996	DakLak	ITA.66A		7,7	Bay, bay	
15	2020513527	66A15	Nguyễn Thị Bạch	Liên	22/12/1996	Bình Định	ITA.66A		8,3	Tam, ba	
16	2220719208	66A16	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	25/06/1998	Quảng Nam	ITA.66A		7,3	Bay, ba	
17	2120524546	66A17	Huỳnh Trần Thị Phương Loan	Loan	10/08/1997	Quảng Nam	ITA.66A		8,3	Tam, ba	
18	2220515073	66A18	Nguyễn Thị Trà	My	15/02/1998	Bình Định	ITA.66A		6,7	Sau, bay	
19	2120868411	66A19	Hồ Lê Hoàng	Ngọc	17/08/1997	Quảng Nam	ITA.66A		7,0	Bay, y	
20	2220863755	66A20	Phan Thị Bảo	Ngọc	25/03/1998	DakLak	ITA.66A		7,3	Bay, ba	
21	2121524642	66A21	Phạm Thanh	Phúc	03/12/1995	DakLak	ITA.66A		8,0	Tam y	
22	2020357022	66A22	Vũ Thị Cát	Phượng	29/07/1995	Đà Nẵng	ITA.66A		7,7	Bay, bay	
23	2120528844	66A23	Nguy Thùy	Ream	03/05/1995	Ninh Thuận	ITA.66A		9,0	Chín y	
24	2221326434	66A24	Đoàn Đình	Sang	24/01/1997	Bình Định	ITA.66A		7,3	Bay, ba	

	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
							Số	Chữ	
2120204010	66A25	Lê Công Tấn	06/08/1997	Khánh Hòa	ITA 66A		8,7	Tam, bay	
2120204017	66A26	Phó Thái Quỳnh Thư	17/01/1997	TT Huế	ITA 66A		8,3	Tam, bay	
2120204026	66A27	Trần Thái Anh Thư	28/06/1998	Quảng Ngãi	ITA 66A		5,3	Năm, bay	
2120204036	66A28	Lê Thị Thương	04/01/1998	Dak Lak	ITA 66A		7,3	Bay, bay	
2120204045	66A29	Phạm Thị Hoàng Thương	22/05/1997	Nghe An	ITA 66A		7,3	Bay, bay	
2120204050	66A30	Phó Thái Thủy Tiên	01/02/1998	Bình Định	ITA 66A		6,7	Sai, bay	✓
2120204060	66A31	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	05/06/1996	Quảng Nam	ITA 66A				✓
2120204066	66A32	Thái Thị Ngọc Trâm	25/05/1997	Dak Lak	ITA 66A		7,7	Bay, bay	
2120204066	66A33	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/01/1998	Quảng Nam	ITA 66A				✓
2120204077	66A34	Nguyễn Thị Tú Trinh	10/11/1998	Bà Nằng	ITA 66A		9,0	Điểm 7	
2120204085	66A35	Vương Thị Xuân Trinh	27/04/1996	Gia Lai	ITA 66A		6,7	Sai, bay	
2120204092	66A36	Nguyễn Thanh Trúc	20/01/1994	Quảng Nam	ITA 66A				✓
2120204108	66A37	Nguyễn Hữu Trung	15/10/1997	Quảng Nam	ITA 66A		5,3	Năm, bay	
2120204107	66A38	Đặng Thị Hồng Tuyết	12/11/1996	Quảng Nam	ITA 66A		5,3	Năm, bay	
2120204154	66A39	Lê Thảo Vi	07/01/1998	Quảng Nam	ITA 66A		9,0	Điểm 7	
2120204471	66A40	Hà Thị Như Ý	20/02/1997	Quảng Nam	ITA 66A				

Tổng số HV/Dự thi: 36

Vắng: 02

Cắm thi: 02

Không đủ điều kiện dự thi: 02

NGƯỜI LẬP BẢNG

GIÁM THỊ 1

GIÁM THỊ 2

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

CT. HỘI ĐỒNG

Trường Đại học Duy Tân

Trung tâm Tin học Duy Tân

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI THI TỐT NGHIỆP

CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - THI GHEP VỚI LỚP ITA.49B (66A)

MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: A2

Thời gian: 17h45 - Ngày 10/3/2019 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

(Ghep với ITA 66A/EM.502)

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
421	2120259827	56A20	Võ Thị	Mẫu	01/07/1997	Quảng Nam	ITA.56A		6,0	Sẵn y	Thi ghep
432	2120866187	56A24	Nguyễn Thị Ý	Như	14/12/1997	Quảng Nam	ITA.56A		8,0	Tam y	Thi ghep
443	2220313937	56A29	Lê Thị Tuyết	Phương	30/09/1998	Quảng Bình	ITA.56A		8,7	Tam, bay	Thi ghep
444	2121716871	57A20	Đỗ Vũ	Lộc	28/06/1993	Quảng Nam	ITA.57A		7,7	Bay, bay	Thi ghep
445	2120524479	61A16	Võ Nhất	Linh	25/04/1997	Bình Định	ITA.61A		7,3	Bay, bay	Thi ghep
446	2021523373	63A01	Nguyễn Hữu	An	16/07/1993	Gia Lai	ITA.63A		8,7	Tam, bay	Thi ghep
447	2226521493	63A05	Phan Thị	Bé	24/10/1994	Quảng Nam	ITA.63A		8,3	Tam, bay	Thi ghep
448	2120529295	63A09	Lê Thị Hương	Giang	07/12/1996	Quảng Trị	ITA.63A		9,3	Chim, bay	Thi ghep
449	2121716971	63A10	Nguyễn Hoàng	Hà	18/02/1996	Đà Nẵng	ITA.63A		7,3	Bay, bay	Thi ghep
450	2121524731	63A13	Dương Vũ	Hoàng	10/11/1997	Đà Nẵng	ITA.63A		8,7	Tam, bay	Thi ghep
451	2120524565	63A25	Võ Ý	Như	30/04/1997	Khánh Hòa	ITA.63A		9,3	Chim, bay	Thi ghep
452	2226521552	63A30	Nguyễn Thị Minh	Tâm	08/03/1995	Bình Định	ITA.63A		9,0	Chim y	Thi ghep

Tổng số HV/Dự thi: 12

Vắng: ...

Cám thi: ...

Không đủ điều kiện dự thi: ...

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - LỚP ITA.66A
MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: A3

Thời gian: 18h30 - Ngày 10/3/2019 - Phòng máy 502/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
1	2120524704	66A01	Nguyễn Hữu Hoàng	Anh	17/03/1997	Quảng Nam	ITA.66A	143		8,5	Tam Nhon	
2	2220326356	66A02	Trần Hoàng	Anh	20/02/1998	Đà Nẵng	ITA.66A	1834		8,8	Tam Tam	
3	2220863787	66A03	Nguyễn Ngọc Linh	Chi	20/11/1997	Bình Định	ITA.66A	159		9,3	Chim Ba	
4	2021517342	66A04	Nguyễn Phạm Duy	Cường	31/12/1991	Đà Nẵng	ITA.66A	328		9,5	Chim Nhon	
5	2220863759	66A05	Dương Hoàng	Điệp	19/07/1998	DakLak	ITA.66A	464		8,0	Tam Y	
6	2120527234	66A06	Lê Thị Ngọc	Dung	14/09/1997	Gia Lai	ITA.66A	159		7,3	Bay Ba	
7	2120524740	66A07	Phạm Huỳnh Thu	Hà	05/11/1997	Đà Nẵng	ITA.66A	316		7,5	Bay Nam	
8	2120524691	66A08	Phạm Hồ Minh	Hiếu	02/05/1997	Bình Định	ITA.66A	369		8,5	Tam Nhon	
9	2121529290	66A09	Nguyễn Hồ Khai	Hoàn	02/01/1997	DakLak	ITA.66A	361		8,5	Tam Nhon	
10	2220522814	66A10	Nguyễn Thị Thu	Hồng	28/01/1998	Bình Định	ITA.66A	121		8,5	Tam Nhon	
11	2121514918	66A11	Nguyễn Tống	Hưng	24/11/1996	Đà Nẵng	ITA.66A	351		8,5	Tam Nhon	
12	2221219682	66A12	Trần Nguyễn	Khánh	23/04/1998	DakLak	ITA.66A	287		6,8	Sau Tam	
13	2227521113	66A13	Lê Thanh	Khoa	27/05/1994	Đà Nẵng	ITA.66A	845		7,5	Bay Nam	
14	2221869281	66A14	Đinh Thế	Kiên	26/12/1996	DakLak	ITA.66A	282		8,0	Tam Y	
15	2020513527	66A15	Nguyễn Thị Bạch	Liên	22/12/1996	Bình Định	ITA.66A	129		8,5	Tam Nhon	
16	2220719208	66A16	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	25/06/1998	Quảng Nam	ITA.66A	213		7,3	Bay Ba	
17	2120524546	66A17	Huỳnh Trần Thị Phương	Loan	10/08/1997	Quảng Nam	ITA.66A	184		8,8	Tam Tam	
18	2220515073	66A18	Nguyễn Thị Trà	My	15/02/1998	Bình Định	ITA.66A	145		8,5	Tam Nhon	
19	2120868411	66A19	Hồ Lê Hoàng	Ngọc	17/08/1997	Quảng Nam	ITA.66A	138		8,0	Tam Y	
20	2220863755	66A20	Phan Thị Bảo	Ngọc	25/03/1998	DakLak	ITA.66A	2124		8,5	Tam Nhon	
21	2121524642	66A21	Phạm Thanh	Phúc	03/12/1995	DakLak	ITA.66A	94		8,3	Tam Ba	
22	2020357022	66A22	Vũ Thị Cát	Phượng	29/07/1995	Đà Nẵng	ITA.66A	111		6,4	Sau Ba	
23	2120528844	66A23	Nguyễn Thùy	Ream	03/05/1995	Ninh Thuận	ITA.66A	332		6,0	Sau Y	
24	2221326434	66A24	Đoàn Đình	Sang	24/01/1997	Bình Định	ITA.66A	168		7,8	Bay Tam	
25	2121524610	66A25	Lê Công	Tán	06/08/1997	Khánh Hòa	ITA.66A	283		8,5	Tam Nhon	
26	2120529057	66A26	Hồ Thị Quỳnh	Thư	17/01/1997	TT Huế	ITA.66A	658		6,0	Sau Y	

TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
27	2220717026	66A27	Trần Thị Anh	Thư	28/06/1998	Quảng Ngãi	ITA 66A	124	<i>Thư</i>	5,3	Năm Ba	
28	2220863847	66A28	Lê Thị	Thương	04/01/1998	DakLak	ITA 66A	273	<i>Thương</i>	7,5	Bảy Năm	
29	2120527233	66A29	Phạm Thị Hoài	Thương	22/05/1997	Nghệ An	ITA 66A	134	<i>Thương</i>	8,8	Tám Tám	
30	2220863781	66A30	Hồ Thị Thủy	Tiên	01/02/1998	Bình Định	ITA 66A	122	<i>Tiên</i>	8,5	Tám Năm	
31	2020214690	66A31	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	05/06/1996	Quảng Nam	ITA 66A	—	—	—	—	Cấm thi
32	2120218261	66A32	Thái Thị Ngọc	Trâm	25/05/1997	DakLak	ITA 66A	—	—	—	—	—
33	2220214366	66A33	Nguyễn Thị Huyền	Trang	01/01/1998	Quảng Nam	ITA 66A	99	<i>Trang</i>	7,3	Bảy Ba	
34	2220218877	66A34	Nguyễn Thị Tú	Trinh	10/11/1998	Đà Nẵng	ITA 66A	—	—	—	—	—
35	2020525655	66A35	Vương Thị Xuân	Trinh	27/04/1996	Gia Lai	ITA 66A	689	<i>Trinh</i>	9,3	Chín Ba	
36	2227521179	66A36	Nguyễn Thanh	Trúc	20/01/1994	Quảng Nam	ITA 66A	212	<i>Trúc</i>	5,8	Năm Tám	
37	2121638268	66A37	Nguyễn Hữu	Trung	15/10/1997	Quảng Nam	ITA 66A	—	—	—	—	Cấm thi
38	2120528897	66A38	Đặng Thị Hồng	Tuyết	12/11/1996	Quảng Nam	ITA 66A	98	<i>Tuyết</i>	7,5	Bảy Năm	
39	2220717154	66A39	Lê Thảo	Vì	07/01/1998	Quảng Nam	ITA 66A	219	<i>Thảo</i>	7,8	Bảy Tám	
40	2120524471	66A40	Hà Thị Như	Ý	20/02/1997	Quảng Nam	ITA 66A	94	<i>Ý</i>	5,5	Năm Năm	

Tổng số HV/Dự thi: 36

Vắng: 02

Cấm thi: 02

Không đủ điều kiện dự thi: 02

Trường Đại học Duy Tân
Trung tâm Tin học Duy Tân

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP

CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - THI GHEP BÓ SUNG VỚI LỚP ITA.49B (6

MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: A3

Thời gian: 18h30 - Ngày 10/3/2019 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

(Chép ITA.66A - IM.502)

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
43	2120259827	56A20	Võ Thị	Mẫu	01/07/1997	Quảng Nam	ITA.56A	216		6,0	Sáu y	Thi ghép
43	2120866187	56A24	Nguyễn Thị Ý	Như	14/12/1997	Quảng Nam	ITA.56A	96		5,1	Năm Một	Thi ghép
44	2220313937	56A29	Lê Thị Tuyết	Phương	30/09/1998	Quảng Bình	ITA.56A	2004		5,6	Năm Sáu	Thi ghép
44	2121716871	57A20	Đỗ Vũ	Lộc	28/06/1993	Quảng Nam	ITA.57A	278		3,8	Ba Tám	Thi ghép
45	2120524479	61A16	Võ Nhất	Linh	25/04/1997	Bình Định	ITA.61A	255		7,5	Bảy Năm	Thi ghép
46	2021523373	63A01	Nguyễn Hữu	An	16/07/1993	Gia Lai	ITA.63A	358		7,5	Bảy Năm	Thi ghép
48	2226521493	63A05	Phan Thị	Bé	24/10/1994	Quảng Nam	ITA.63A	34		7,3	Bảy Ba	Thi ghép
49	2120529295	63A09	Lê Thị Hương	Giang	07/12/1996	Quảng Trị	ITA.63A	109		8,5	Tám Năm	Thi ghép
50	2121716971	63A10	Nguyễn Hoàng	Hà	18/02/1996	Đà Nẵng	ITA.63A	185		8,3	Tám Ba	Thi ghép
50	2121524731	63A13	Dương Vũ	Hoàng	10/11/1997	Đà Nẵng	ITA.63A	102		7,8	Bảy Tám	Thi ghép
51	2120524565	63A25	Võ Ý	Như	30/04/1997	Khánh Hòa	ITA.63A	108		8,3	Tám Ba	Thi ghép
52	2226521552	63A30	Nguyễn Thị Minh	Tâm	08/03/1995	Bình Định	ITA.63A	106		8,0	Tám y	Thi ghép

Tổng số HV/Dự thi: 12

Vắng: 00

Cám thi: 00

Không đủ điều kiện dự thi: 00

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - LỚP ITA.68A
MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: A2

Thời gian: 17h45 - Ngày 10/3/2019 - Phòng máy 610/Tầng 6 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	2226521073	68A01	Lê Thị Tuyết	Anh	30/03/1983	Quảng Nam	ITA 68A	<i>Tuyết</i>	8,3	Tm, Ba	
2	2220313909	68A02	Nguyễn Thị Bích	Diễm	01/11/1998	Bình Định	ITA 68A	<i>Diễm</i>	7,7	Bay, Bay	
3	2220865882	68A03	Đoàn Thị	Dung	10/05/1998	Quảng Nam	ITA 68A				<i>Vây</i>
4	2120524474	68A04	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/01/1997	Quảng Nam	ITA 68A	<i>Hà</i>	7,0	Bay, y	
5	2221255234	68A05	Nguyễn Ngọc	Hiếu	04/08/1998	Quảng Bình	ITA 68A	<i>Hiếu</i>	7,7	Bay, Bay	
6	2210514659	68A06	Lê Thị Mai	Hương	21/04/1998	Quảng Bình	ITA 68A	<i>Hương</i>	7,7	Bay, Bay	
7	2121313256	68A07	Phạm Đức	Kiệt	03/10/1997	Đà Nẵng	ITA 68A	<i>Kiệt</i>	8,7	Tm, Bay	
8	1911619376	68A08	Lê Tùng	Lâm	20/01/1993	Quảng Ngãi	ITA 68A				Cấm thi
9	2220255249	68A09	Lê Thị Nhật	Linh	25/05/1998	Quảng Bình	ITA 68A	<i>Linh</i>	8,3	Tm, Ba	
10	2120528921	68A10	Trần Thị Mỹ	Linh	08/01/1997	Quảng Ngãi	ITA 68A	<i>Linh</i>	6,7	Sai, Bay	
11	2220669590	68A11	Nguyễn Thị Ngọc	Ly	12/08/1996	Hà Tĩnh	ITA 68A	<i>Ly</i>	7,7	Bay, Bay	
12	2220724327	68A12	Cao Nhật	Mỹ	11/12/1998	Đà Nẵng	ITA 68A	<i>Mỹ</i>	9,0	Chim, y	
13	2220313933	68A13	Nguyễn Thị Thanh	Nga	15/07/1998	Gia Lai	ITA 68A	<i>Nga</i>	9,0	Chim y	
14	2220255265	68A14	Lê Hồng	Nhi	10/06/1998	Đà Nẵng	ITA 68A	<i>Nhi</i>	7,3	Bay, Ba	
15	2220255269	68A15	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	16/11/1998	Quảng Trị	ITA 68A	<i>Như</i>	8,3	Tm, Ba	
16	2220866030	68A16	Nguyễn Thị	Nở	17/08/1998	Quảng Ngãi	ITA 68A				<i>Vây</i>
17	2120514875	68A17	Nguyễn Thị Kim	Oanh	02/02/1997	Quảng Nam	ITA 68A	<i>Oanh</i>	7,3	Bay, Ba	
18	2021124605	68A18	Ngô Quang Cao Tấn	Phước	30/11/1996	Đà Nẵng	ITA 68A	<i>Phước</i>	7,3	Bay, Ba	
19	2220255279	68A19	Dương Thị Hà	Phương	26/01/1998	Đà Nẵng	ITA 68A	<i>Phương</i>	6,3	Sai, Ba	
20	2220326423	68A20	Phạm Huỳnh	Phương	15/12/1998	Đà Nẵng	ITA 68A	<i>Phạm</i>	8,0	Tm, y	
21	2220326437	68A21	Đinh Thị Thu	Son	05/06/1998	Đà Nẵng	ITA 68A	<i>Son</i>	7,3	Bay, Ba	
22	2120519782	68A22	Hoàng Võ Minh	Tâm	13/10/1997	Đà Nẵng	ITA 68A	<i>Tâm</i>	7,3	Bay, Ba	
23	2220727384	68A23	Nguyễn Thị	Tha	01/01/1998	Quảng Nam	ITA 68A	<i>Tha</i>	8,7	Tm, Bay	
24	2220515130	68A24	Trương Thị	Thanh	23/06/1998	DakLak	ITA 68A	<i>Thanh</i>	8,0	Tm, y	

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - LỚP ITA.68A
MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: A3

Thời gian: 18h30 - Ngày 10/3/2019 - Phòng máy 610/Tầng 6 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
1	2226521073	68A01	Lê Thị Tuyết	Anh	30/03/1983	Quảng Nam	ITA 68A	194	<i>[Signature]</i>	6,9	Sau Chín	✓
2	2220313909	68A02	Nguyễn Thị Bích	Diễm	01/11/1998	Bình Định	ITA 68A	464	<i>[Signature]</i>	5,8	Năm Tám	✓
3	2220865882	68A03	Đoàn Thị	Dung	10/05/1998	Quảng Nam	ITA 68A					✓
4	2120524474	68A04	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/01/1997	Quảng Nam	ITA 68A	152	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy Y	✓
5	2221255234	68A05	Nguyễn Ngọc	Hiếu	04/08/1998	Quảng Bình	ITA 68A	412	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám Y	✓
6	2210514659	68A06	Lê Thị Mai	Hương	21/04/1998	Quảng Bình	ITA 68A	81	<i>[Signature]</i>	5,4	Năm Bốn	✓
7	2121313256	68A07	Phạm Đức	Kiệt	03/10/1997	Đà Nẵng	ITA 68A	861	<i>[Signature]</i>	6,5	Sau Năm	✓
8	1911619376	68A08	Lê Tùng	Lâm	20/01/1993	Quảng Ngãi	ITA 68A	356				Cấm thi
9	2220255249	68A09	Lê Thị Nhật	Linh	25/05/1998	Quảng Bình	ITA 68A	356	<i>[Signature]</i>	8,1	Tám Ng	
10	2120528921	68A10	Trần Thị Mỹ	Linh	08/01/1997	Quảng Ngãi	ITA 68A	936	<i>[Signature]</i>	7,8	Bảy Tám	
11	2220669590	68A11	Nguyễn Thị Ngọc	Ly	12/08/1996	Hà Tĩnh	ITA 68A	858	<i>[Signature]</i>	8,8	Tám Tám	
12	2220724327	68A12	Cao Nhật	Mỹ	11/12/1998	Đà Nẵng	ITA 68A	221	<i>[Signature]</i>	9,5	Chín Năm	
13	2220313933	68A13	Nguyễn Thị Thanh	Nga	15/07/1998	Gia Lai	ITA 68A	1308	<i>[Signature]</i>	7,3	Bảy Ba	
14	2220255265	68A14	Lê Hồng	Nhi	10/06/1998	Đà Nẵng	ITA 68A	410	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy Năm	
15	2220255269	68A15	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	16/11/1998	Quảng Trị	ITA 68A	101	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy Năm	
16	2220866030	68A16	Nguyễn Thị	Nở	17/08/1998	Quảng Ngãi	ITA 68A					✓
17	2120514875	68A17	Nguyễn Thị Kim	Oanh	02/02/1997	Quảng Nam	ITA 68A	176	<i>[Signature]</i>	5,4	Năm Bốn	
18	2021124605	68A18	Ngô Quang Cao Tấn	Phước	30/11/1996	Đà Nẵng	ITA 68A	84	<i>[Signature]</i>	6,4	Sau Bốn	
19	2220255279	68A19	Dương Thị Hà	Phường	26/01/1998	Đà Nẵng	ITA 68A	143	<i>[Signature]</i>	5,8	Năm Tám	
20	2220326423	68A20	Phạm Huỳnh	Phường	15/12/1998	Đà Nẵng	ITA 68A	225	<i>[Signature]</i>	7,8	Bảy Tám	
21	2220326437	68A21	Đinh Thị Thu	Sơn	05/06/1998	Đà Nẵng	ITA 68A	228	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy Y	
22	2120519782	68A22	Hoàng Võ Minh	Tâm	13/10/1997	Đà Nẵng	ITA 68A	113	<i>[Signature]</i>	5,1	Năm Ng	
23	2220727384	68A23	Nguyễn Thị	Tha	01/01/1998	Quảng Nam	ITA 68A	104	<i>[Signature]</i>	5,3	Năm Ba	
24	2220515130	68A24	Trương Thị	Thanh	23/06/1998	DakLak	ITA 68A	872	<i>[Signature]</i>	7,8	Bảy Tám	
25	2020523318	68A25	Nguyễn Ngọc Ánh	Thảo	07/03/1995	Đà Nẵng	ITA 68A	1015	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám Ng	
26	2220717016	68A26	Lê Thán Giang	Thi	22/08/1998	Quảng Nam	ITA 68A	107	<i>[Signature]</i>	6,3	Sau Ba	

MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
27	2120529412	Rơ Châm	Thiêm	01/02/1997	Gia Lai	ITA 68A	867	<i>[Signature]</i>	6,5	Sau Nanh	
28	2220255298	Nguyễn Anh	Thư	04/11/1998	Quảng Nam	ITA 68A	133	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy y	
29	2220512730	Hoàng Thị	Thương	20/01/1998	Quảng Bình	ITA 68A	400	<i>[Signature]</i>	7,3	Bảy Ba	
30	2220512759	Trần Thị Thanh	Thủy	07/06/1998	Gia Lai	ITA 68A	109	<i>[Signature]</i>	8,3	Tám Ba	
31	2220255312	Nguyễn Thị Thùy	Trang	10/12/1998	Đà Nẵng	ITA 68A	100	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy Nanh	
32	2120518195	Hoàng Thị	Trinh	25/08/1997	Quảng Trị	ITA 68A	954	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy y	
33	2220518106	Nguyễn Lâm Tuyết	Trinh	11/02/1998	Quảng Nam	ITA 68A	1701	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám y	
34	2020644735	Hoàng Đình	Trường	08/02/1995		ITA 68A					Cấm thi
35	2120524648	Văn Thị Thanh	Uyên	23/04/1997	Dak Lak	ITA 68A	119	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín y	
36	2111223064	Châu Quang	Văn	29/08/1997	Đà Nẵng	ITA 68A	800	<i>[Signature]</i>	5,1	Năm Nanh	
37	2120318213	Phạm Thị Kim	Vi	22/11/1997	Đà Nẵng	ITA 68A	962	<i>[Signature]</i>	5,1	Năm Nanh	
38	2120524612	Vương Thị	Vi	01/05/1996	Đắk Nông	ITA 68A	153	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu Nanh	
39	2121866263	Châu Quang	Vũ	29/08/1997	Đà Nẵng	ITA 68A	1454	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu y	
40	2121863942	Nguyễn Thành	Vũ	10/10/1997	Đà Nẵng	ITA 68A	1511	<i>[Signature]</i>	6,3	Sáu Ba	
41	2220518575	Trần Hồ Lan	Vy	21/02/1998	Quảng Nam	ITA 68A	2945	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám y	

Tổng số HV/Dự thi: 37

Vắng: 02

Cấm thi: 02

Không đủ điều kiện dự thi:

Trường Đại học Duy Tân

Trung tâm Tin học Duy Tân

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - LỚP K81BKT
MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: A2

Thời gian: 17h45 - Ngày 10/3/2019 - Phòng máy 623/Tầng 6 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	2220255217	81BKT01	Võ Thị Yến	Chi	15/08/1998	DakLak	K81BKT		8,0	Tam, Không	
2	2220255229	81BKT02	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	11/11/1998	Quảng Nam	K81BKT		8,0	Tam, Không	
3	2220255241	81BKT03	Trần Thị	Hồng	11/04/1998	Quảng Bình	K81BKT		7,7	Bạc, Bạc	
4	2220268447	81BKT04	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	05/03/1997	TT Huế	K81BKT		8,3	Tam, Bạc	
5	23202611840	81BKT05	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	03/10/1999	Quảng Trị	K81BKT		6,3	Sau, Bạc	
6	2220265389	81BKT06	Nguyễn Thị	Mơ	10/08/1998	Quảng Nam	K81BKT		6,7	Sau, Bạc	
7	2220265390	81BKT07	Nguyễn Thị Hà	My	07/06/1998	Quảng Nam	K81BKT		8,7	Tam, Bạc	
8	2220255259	81BKT08	Lương Thị Bích	Ngọc	11/11/1998	Quảng Nam	K81BKT		8,0	Tam, Không	
9	2220259557	81BKT09	Mai Thị	Như	06/08/1998	Gia Lai	K81BKT		7,0	Bạc, Không	
10	2220265411	81BKT10	Phan Thị Hồng	Phán	20/11/1998	Phù Yên	K81BKT		7,0	Bạc, Không	
11	2220265420	81BKT11	Phan Thị Như	Quỳnh	31/10/1998	Quảng Nam	K81BKT		8,7	Tam, Bạc	
12	2220717012	81BKT12	Nguyễn Ngọc	Thảo	02/05/1998	Gia Lai	K81BKT		8,0	Tam, Không	
13	2220265428	81BKT13	Nguyễn Thị Thu	Thảo	01/01/1998	Đa Nẵng	K81BKT		8,3	Tam, Bạc	
14	2220265435	81BKT14	Lê Anh	Thư	24/03/1998	Đa Nẵng	K81BKT		6,7	Sau, Bạc	
15	2220258434	81BKT15	Biên Thị Hồng	Thương	28/07/1998	Quảng Bình	K81BKT		7,3	Bạc, Bạc	
16	2220265442	81BKT16	Nguyễn Thị Thu	Thủy	03/03/1998	Hà Tĩnh	K81BKT		8,0	Tam, Không	
17	2220265459	81BKT17	Đặng Thị Thúy	Vi	13/08/1995	Đa Nẵng	K81BKT		7,3	Bạc, Bạc	
18	2220255329	81BKT18	Nguyễn Tường	Vy	21/10/1998	Quảng Ngãi	K81BKT		8,7	Tam, Bạc	

Tổng số HV/Dự thi: 18/18

Vắng:

Cám thi:

Không đủ điều kiện dự thi:

Trường Đại học Duy Tân
Trung tâm Tin học Duy Tân

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - LỚP K81BKT
MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: A3

Thời gian: 18h30 - Ngày 10/3/2019 - Phòng máy 623/Tầng 6 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (MB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
1	2220255217	81BKT01	Võ Thị Yến	Chi	15/08/1998	DakLak	K81BKT	1.04		5,9	Năm Chín	
2	2220255229	81BKT02	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	11/11/1998	Quảng Nam	K81BKT	488KB		6,3	Sáu Ba	
3	2220255241	81BKT03	Trần Thị	Hồng	11/04/1998	Quảng Bình	K81BKT	1.12		5,3	Năm Ba	
4	2220268447	81BKT04	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	05/03/1997	TT Huế	K81BKT	2.02		6,3	Sáu Ba	
5	23202611840	81BKT05	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	03/10/1999	Quảng Trị	K81BKT	1.04		5,4	Năm Bốn	
6	2220265389	81BKT06	Nguyễn Thị	Mơ	10/08/1998	Quảng Nam	K81BKT	947KB		5,8	Năm Tám	
7	2220265390	81BKT07	Nguyễn Thị Hà	My	07/06/1998	Quảng Nam	K81BKT	937KB		5,6	Năm Sáu	
8	2220255259	81BKT08	Lương Thị Bích	Ngọc	11/11/1998	Quảng Nam	K81BKT	917KB		5,8	Năm Tám	
9	2220259557	81BKT09	Mai Thị	Như	06/08/1998	Gia Lai	K81BKT	75,9KB		6,3	Sáu Ba	
10	2220265411	81BKT10	Phan Thị Hồng	Phấn	20/11/1998	Phủ Yên	K81BKT	1004KB		4,4	Bốn Bốn	
11	2220265420	81BKT11	Phan Thị Như	Quỳnh	31/10/1998	Quảng Nam	K81BKT	690KB		4,5	Bốn Năm	
12	2220717012	81BKT12	Nguyễn Ngọc	Thảo	02/05/1998	Gia Lai	K81BKT	86,5KB		6,0	Sáu Y	
13	2220265428	81BKT13	Nguyễn Thị Thu	Thảo	01/01/1998	Đà Nẵng	K81BKT	82,4KB		5,3	Năm Ba	
14	2220265435	81BKT14	Lê Anh	Thư	24/03/1998	Đà Nẵng	K81BKT	1.79		4,4	Bốn Bốn	
15	2220258434	81BKT15	Biển Thị Hồng	Thương	28/07/1998	Quảng Bình	K81BKT	1.81		4,4	Bốn Bốn	
16	2220265442	81BKT16	Nguyễn Thị Thu	Thủy	03/03/1998	Hà Tĩnh	K81BKT	1.05		6,3	Sáu Ba	
17	2220265459	81BKT17	Đặng Thị Thúy	Vì	13/08/1995	Đà Nẵng	K81BKT	651KB		5,3	Năm Ba	
18	2220255329	81BKT18	Nguyễn Tường	Vy	21/10/1998	Quảng Ngãi	K81BKT	1.04		5,3	Năm Ba	

Tổng số HV/Dự thi: 18/48

Vắng: ...0...

Cấm thi:0...

Không đủ điều kiện dự thi: ...0.....